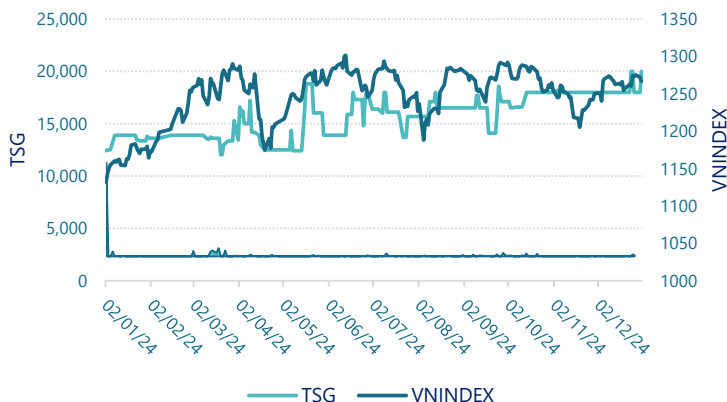




CTCP Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn (UPCOM: TSG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	20,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,047
SL cổ phiếu LH	3,074,100
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,095
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	61
P/E	
EPS	

DT thuần

Q4/24

tỷ VNĐ

LN sau thuế

Q4/24

tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT

2024

5.2%

+/- YoY: ▲ 1.5%

DT thuần

2024

175

tỷ VNĐ

YoY: ▼66.0| -27.3%

LN sau thuế

2024

6.65

tỷ VNĐ

ROE

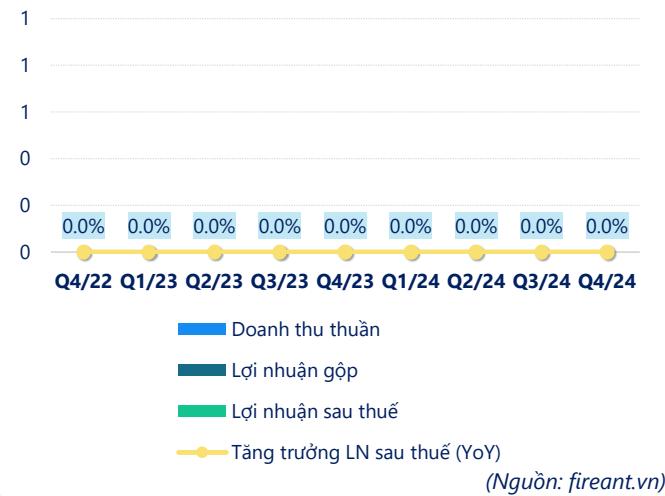
2024

15.8%

+/- YoY: ▼ 0.3%

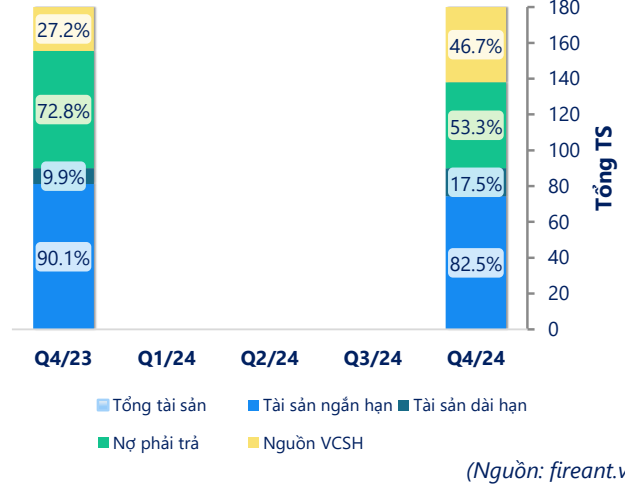
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

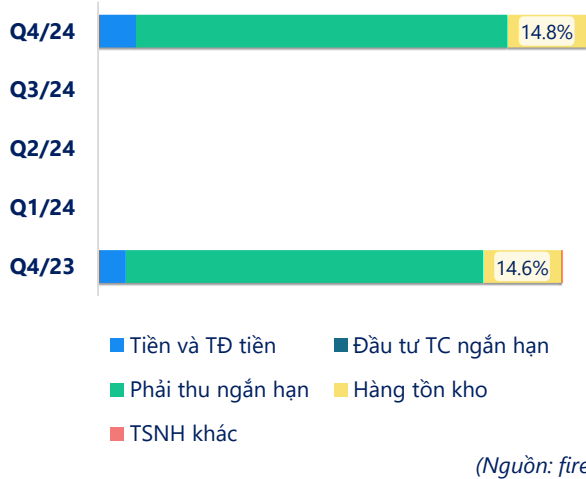


Cơ cấu Tổng tài sản

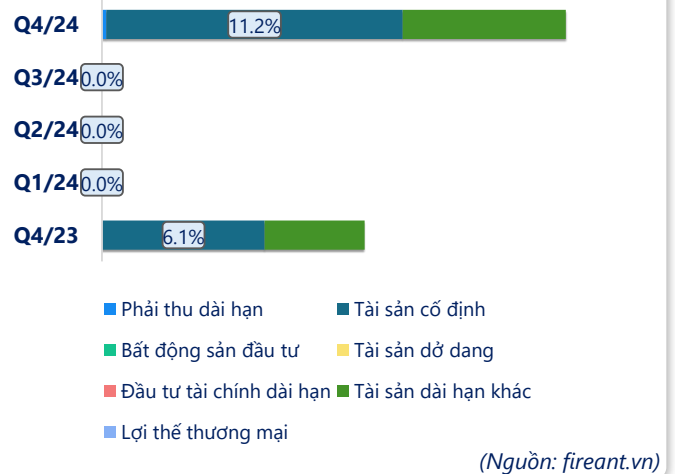
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

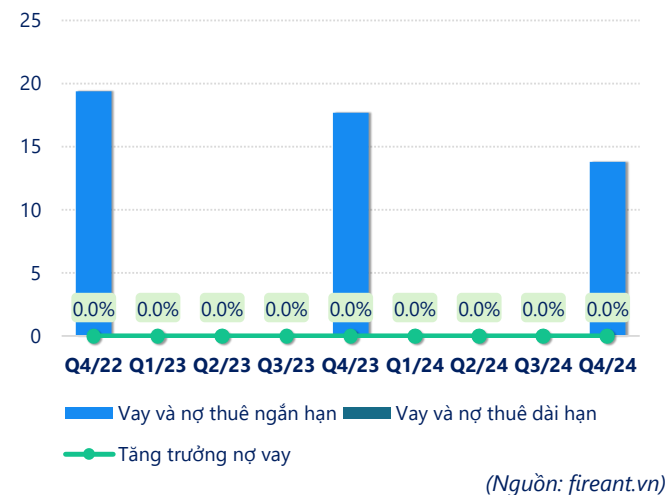


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



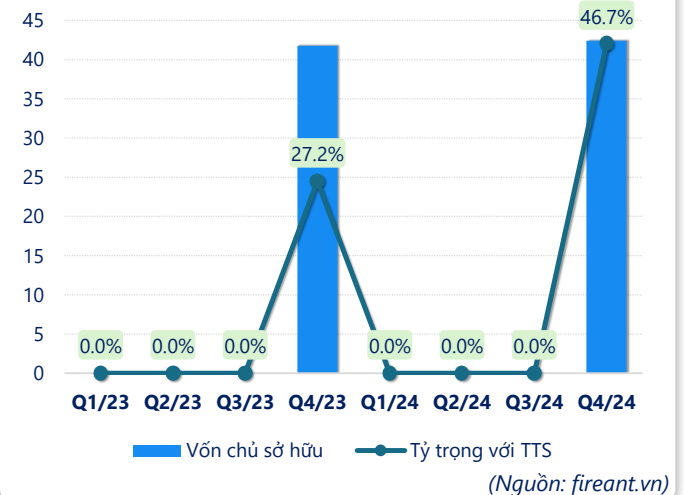
tỷ VNĐ

Nợ vay

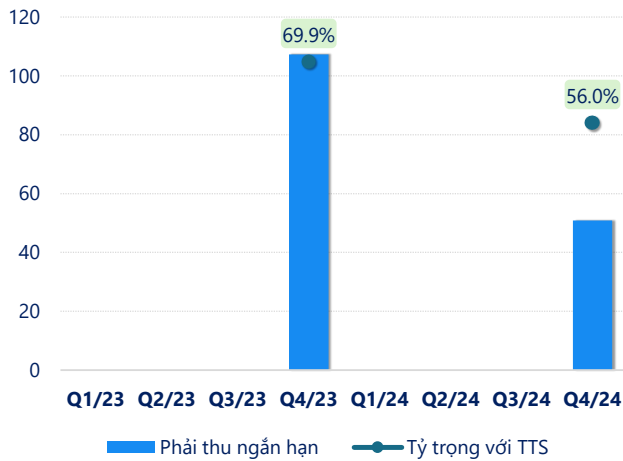


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

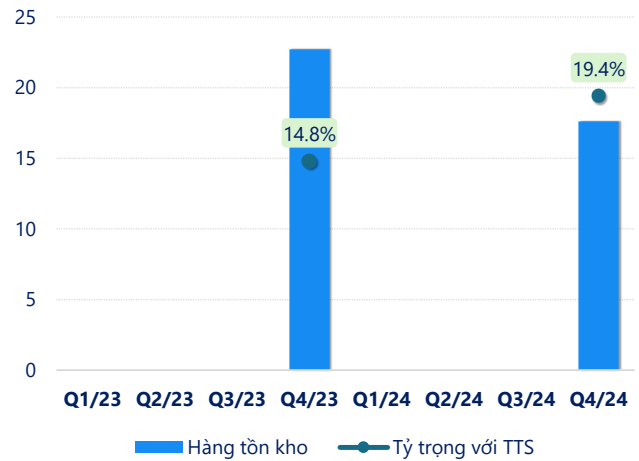


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


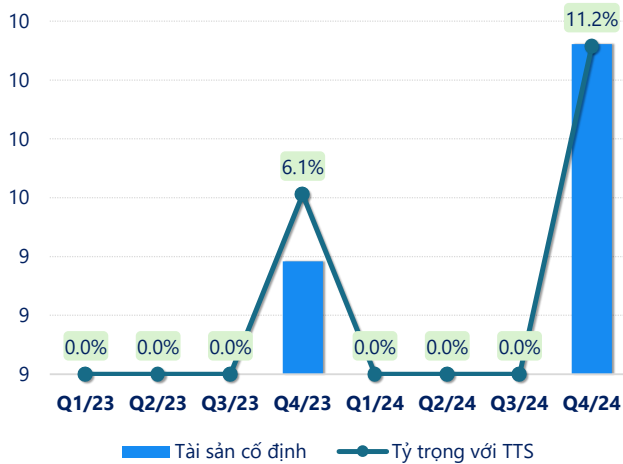
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


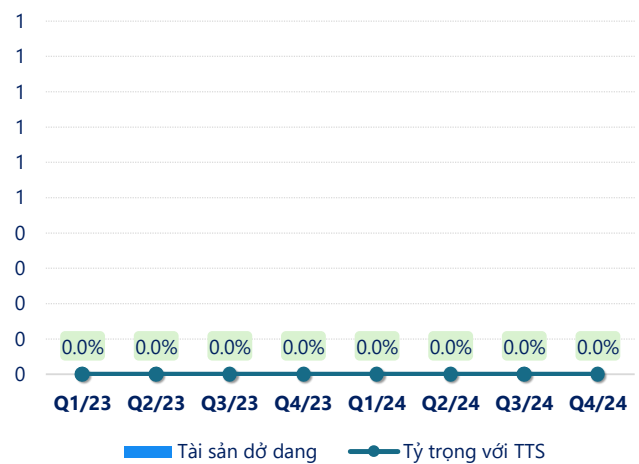
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

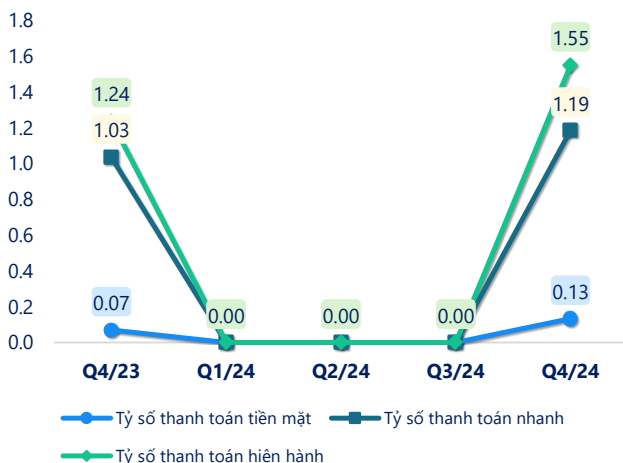
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

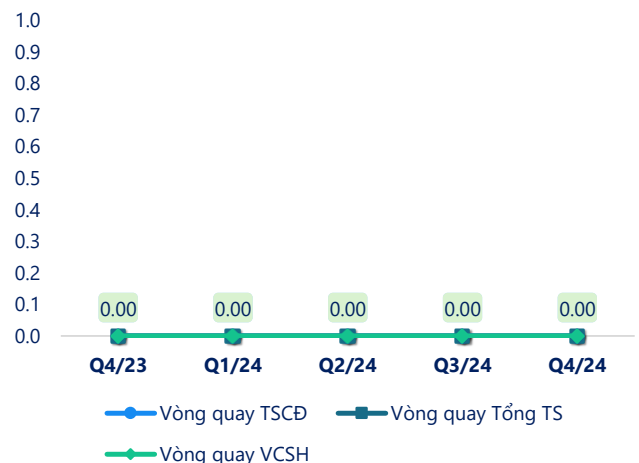
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	154				90.7
Tài sản ngắn hạn	138				74.9
Tiền và tương đương tiền	7.76				6.46
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0				0
Phải thu ngắn hạn	107				50.8
Hàng tồn kho	22.7				17.6
Tài sản ngắn hạn khác	0.65				0
Tài sản dài hạn	15.2				15.8
Phải thu dài hạn	0.02				0.15
Tài sản cố định	9.38				10.1
Bất động sản đầu tư	0				0
Tài sản dở dang	0				0
Đầu tư tài chính dài hạn	0				0
Tài sản dài hạn khác	5.77				5.57
Lợi thế thương mại	0				0
Nợ phải trả	112				48.3
Nợ ngắn hạn	112				48.3
Vay và nợ thuê ngắn hạn	17.7				13.8
Phải trả người bán ngắn hạn	60.0				6.23
Nợ dài hạn	0				0
Vay và nợ thuê dài hạn	0				0
Nguồn vốn chủ sở hữu	41.8				42.4
Vốn chủ sở hữu	41.8				42.4
Vốn điều lệ	30.7				30.7
Kinh phí và quỹ khác	0				0

(Nguồn: fireant.vn)